(7=2)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8
Round 5
Board 1
Date 190420

WHITE	Vo Lan Khue	FED Vie	RESULT (W) 1/2
BLACK	Gasanova Aiat	FED RUS	RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	ed	Qd6	41		
2	c4	dc	22	Rg3	f6	42		
3	Nf3	Nf6	23	Rd1	Rf7	43		
4	Qa4+	Bd7	24	Rd4	F5	44		
5	Qc4	e6	25	Qd2	Re8	45		
6	g3	Nc6	26	h4	f4	46		
7	Bg2	Be7	27	Rf3	Re5	47		
8	0-0	0-0	28	Bh3	a6	48		
9	Nc3	a6	29	Kh2	Bh3	49		
10	a3	Bd6	30	Rh3	a4	50		
11	e4	e5	31	Qc1	Kf7	51		
12	ed	h3	32	a4	Qd3	52		
13	Nd4	Nd4	33	Rhd3		53		
14	Qd4	Qe7	34			54		
15	Re1	Bc5	35			55		
16	Qd2	Be5	36			56		
17	Qc2	Qf3	37			57		
18	Be3	Be7	38			58		
19	Re2	Re5	39			59		
20	Nd5	Nd5	40			60		

SIGNATURE (WHITE) Chue
SIGNATURE (BLACK)
SIGNATURE (ARBITER)

(7=2)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8
Round 5
Board 1
Date 19/4

WHITE	Vo Lan Khue	FED 1507	RESULT (W) 1/2
BLACK	Gasanova, Aiat	FED 1608	RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	ed5 1:00	Hd6 1:02	41		
2	c4	dc4	22	xg3 1:00	F6 59	42		
3	MF3	MF6	23	xd1 1:56	xF7 55	43		
4	Ha4	Td7	24	xd4 54	F5 52	44		
5	Hc4	e6	25	Hd2 1:49	xe8 42	45		
6	g3 1:30	Mc6 1:28	26	h4 42	F4 40	46		
7	Tg2 1:27	Te7 1:27	27	xF3 42	xF8 40	47		
8	0-0 1:29	0-0 1:26	28	Th3 42	Vh2 41	48		
9	MC3 1:25	a6 1:22	29	Th3 37	xh3	49		
10	a3 1:25	Td6 1:22	30	Hb4	Hd1	50		
11	e4 1:21	e5 1:20	31	HF5	Hd3	51		
12	h3 1:16	ed4 1:17	32	Hd3	xd3	52		
13	Md4 1:16	Md4 1:12	33			53		
14	Hd4 1:16	He7 1:11	34			54		
15	xe1 1:09	Tc5 1:07	35			55		
16	Hd2 1:07	He5 1:07	36			56		
17	Hc2 1:05	Hg3 1:06	37			57		
18	Te3 1:02	Te3 1:05	38			58		
19	xe3 1:02	He4 1:04	39			59		
20	Md5 1:00	Md5 1:02	40			60		

SIGNATURE (WHITE) Chue
SIGNATURE (BLACK)
SIGNATURE (ARBITER)

17:51

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date | Board 2

WHITE	Singh	FED	1506	RESULT (W)	1
BLACK	Nikki	FED	1517	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	b4	Nd5	41	gxf5	Kd7
2	c4	e6	22	h3	Rc7	42	Rb6	Ke7
3	Nc3	Nf6	23	Rxc7	Qxc7	43	Kg3	Ra8
4	Nf3	Be7	24	Rc1	Qd6	44	Kh5	Kf8
5	Bf4	0-0	25	Qc4	Ne7	45	Kh4	Kg8
6	e3	b6	26	Qc7	Qd7	46	f6	Rb7
7	cxd5	Nxd5	27	Ne5	Bxe5	47	Rb7	g6
8	Nxd5	Qxd5	28	exd5	Nf5	48	Kg4	Kg8
9	a3	c5	29	Qxe7	Rxe7	49	h4	Rd8
10	Be2	cxd4	30	Rc3	Nh4	50	Kf4	g5
11	exd4	Nc6	31	Kh2	Ng6	51	hxg5	hxg5
12	0-0	Rd8	32	f4	Kf8	52	Kf4	g4
13	Be3	Bf6	33	a4	Ne7	53	Rd7	Rd6
14	Qc2	Bb7	34	a5	bxa5	54	Kxg5	Rd5
15	Bd3	h6	35	bxa5	a6	55	Kf4	Rxg5
16	Be4	Qd6	36	Bc5	Rc7	56	Re8	Kh7
17	Rac1	Rac8	37	Bxe7	Rxe7	57	Rf8	Rc5
18	Qd3	Qd7	38	Rc6	Ra7	58	Rxf7	Kg8
19	Rfd1	Ne7	39	g4	Ke7	59	Ra7	a5
20	Bxb7	Qxb7	40	f5	ef5	60	f7	Kf8

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER) An

17:51

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 20.7.26 | Board 2

WHITE	Sinodha Singh	FED	India	RESULT (W)	1
BLACK	Agimigah Nikki	FED	Iran	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	b4	Nd5	41	gxf5	Kd7
2	c4	e6	22	h3	Rc7	42	Rb6	Ke7
3	Nc3	Nf6	23	Rxc7	Qxc7	43	Kg3	Ra8
4	Nf3	Be7	24	Rc1	Qd6	44	Kh4	Kf8
5	Bf4	00	25	Qc4	Ne7	45	Kh5	Kg8
6	e3	b6	26	Qxc7	Qd7	46	f6	Kh7
7	cxd5	Nxd5	27	Ne5	Bxe5	47	Rb7	g6+
8	Nxd5	Qxd5	28	dxe5	Nf5	48	Kg4	Kg8
9	a3	c5	29	Qxd7	Rxd7	49	h4	Re8
10	Be2	cxd5	30	Rc3	Nh4	50	Kf4	g5
11	cxd4	Nc6	31	Nh2	Ng6	51	hxg5	hxg5
12	00	Rd8	32	f4	Kf8	52	Kf5	g4
13	Be3	Bd3	33	a4	Ne7	53	Re7	Rd8
14	Qc2	Bb7	34	a5	bxa5	54	Kxg4	Rd5
15	Bd3	h6	35	bxa5	a6	55	Kf5	Ra5
16	Be4	Qd6	36	Bc5	Rc7	56	Re8+	Kh7
17	Rac1	Rac8	37	Bxe7	Kxe7	57	Rf8	Rc5
18	Qd3	Qd7	38	Rc6	Ra7	58	Rxf7+	Kg8
19	Rfd1	Ne4	39	g4	Ke7	59	Ra7	a5
20	Bxb7	Qxb7	40	f5	ef5	60	f7+	Kf8

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER) An

16:34

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8
Round 5
Date
Board 3

WHITE Li, Muyao	FED	RESULT (W) 1/2	
BLACK Hakmi, Bao Kim	FED	RESULT (B) 1/2	

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	d5	Re8	41		
2	c4	e6	22	g4	Nf6	42		
3	Nc3	Bb4	23	Bg2	Hg6	43		
4	Hc2	Bc3	24	~~Bxf6~~	gf6	44		
5	bc3	d5	25	xd1	Re7	45		
6	e3	Nbd7	26	A5	Re8	46		
7	cd5	ed5	27	ABG	~~AB6~~	47		
8	Nf3	b6	28	xA7	Rc8	48		
9	Be2	Bb7	29	d6	cd6	49		
10	0-0	0-0	30	Re7	Re7	50		
11	Bd3	h6	31	vg7	xb6	51		
12	Bb2	Re8	32	h5	gh5	52		
13	Nd2	Rc8	33	Hh5	Vh2	53		
14	Re1	Ne4	34	H-e5	Hh5	54		
15	Nxe4	de4	35			55		
16	Bf1	Hg5	36			56		
17	A4	Nf6	37			57		
18	h3	xA8	38			58		
19	Kh1	Nh5	39			59		
20	C4	xe6	40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Li, Muyao	Kim	Sr

16:34

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8
Round #5
Date
Board #3

WHITE 李穆遥	FED	RESULT (W) 1/2	
BLACK Huynh Bao Kim	FED	RESULT (B) 1/2	

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	d5	Re8	41		
2	c4	e6	22	g4	Nf6	42		
3	Nc3	Bb4	23	Bg2	Ng6	43		
4	ac2	Bc3	24	Bf6	gf	44		
5	bc	d5	25	Red1	Re7	45		
6	e3	Nbd7	26	a5	Re8	46		
7	cd	ed	27	ab	ab	47		
8	Nf3	b6	28	Ra7	Bc8	48		
9	Be2	Bb7	29	d6	cd	49		
10	0-0	0-0	30	Re7	Re7	50		
11	Bd3	h6	31	Rd6	Kg7	51		
12	Bb2	Re8	32	Rb6	h5	52		
13	Nd2	Rc8	33	gh	dh5	53		
14	Rfe1	Ne4	34	Kh2	de5	54		
15	Ne4	de	35	Kg1	dh5	55		
16	Bf1	dg5	36	Kh2		56		
17	a4	Nf6	37			57		
18	h3	Ra8	38			58		
19	Kh1	Nh5	39			59		
20	c4	Re6	40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
李穆遥	Kim	Sr

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Board 4 | Date 2026.7.18

WHITE Divisha Naveen Nayakula | FED CHN | RESULT (W) 0

BLACK Lan Jia | FED IND | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qc6	Qc6	41	c4	a2
2	Nc3	d5	22	Rb8	Rb8	42	Ka2	Kc4
3	Nf3	Bg4	23	Rb8	Qe8	43	Kb2	Kd3
4	Be2	e6	24	Re8	Ne8	44	a4	gh4
5	d4	Nf6	25	Bc6	Nf6	45	gh4	Ke3
6	Be5	h6	26	Kf1	a6	46	Kc2	Kf3
7	Bf6	Qf6	27	Ke2	Nb5	47	Kb2	f4
8	0-0	Bb4	28	Bb5	ab5	48	Ke1	Kg2
9	Qd3	Be3	29	Kd1	Kf8	49	h5	f3
10	bc3	Bg4	30	Kc1	Ke7	50	Kd2	f2
11	Qe4	Bf3	31	Kb2	Kd6	51	Ke2	f1=Q
12	Bf3	0-0	32	f3	g5	52	Ke3	Qd1
13	Rb1	Qe7	33	h3	f5	53	Ke4	Kg3
14	Rb3	Re8	34	Kb3	Kd5	54	Ke5	Qh5
15	Rfb1	bb6	35	g3	e5	55	Kd6	Qf5
16	Qd3	Nd7	36	de5	ke5	56	Kc6	h5
17	Qc6	Nf6	37	c4	a4	57	Kd6	h4
18	a4	Qc7	38	Kb4	bc4	58	Kc6	h3
19	a5	Rb8	39	Kc4	a3	59	Kd6	h2
20	Qc4	ba5	40	Kb3	Kd4	60	Kc6	h1=Q

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) Lan Jia | SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G-9 | Round 5 | Board 04 | Date 14/07/26

WHITE Divisha N. N. | FED Ind | RESULT (W) 0

BLACK Lanjia | FED chn | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 1:28	c6	21	Qxc6	Qc4	41	Kb3	Kda
2	Nc3 1:23	d5	22		Qxc6	42	c4	a2
3	Nf3 1:24	Bg4	23	Rxb8	Rxb8	43	ka2	kc4
4	Be2 1:29	e6	24	Rxb8	Qe8	44	kb2	kd3
5	d4 1:24	Nf6	25	Rxe8	Nxe5	45	h4	gxh4
6	Be5 1:23	h6	26		Nd6	46	gxh4	ke2
7	Bxf6 1:21	Qxf6	27	kf1	a6	47	Kxf3	kd2
8	0-0 1:20	Bb4	28	ke1	Nb5	48	Ke1	kg2
9	Qd3 1:19	Bxc3	29	Bxb5	axb5	49	h5	f3
10	bxc3 1:13	dxe4	30	kd1	kf8	50	kd2	f2
11	Qxe4 1:11	Bxf3	31	kc1	ke7	51	Ke2	f1=Q
12	Bxf3 1:11	0-0	32	b2	Kd6	52	ke3	Qd1
13	Re1 1:03	Qe7	33	f3	g5	53	ke4	Kg3
14	Rb3(58)	Re8	34	h3	f5	54	ke5	Qxh5
15	Rfb1(59)	bb6	35	kb3	kd5	55	Kd6	Qf5
16	Qd3(49)	Nd7	36	g3	e5	56	Kc6	h5
17	Qa6(45)	Nf6	37	dxe5	Nxe5	57	kd6	h4
18	a4(43)	Qc7	38	c4	ba5	58	Kc6	h3
19	a5(37)	Rb8	39	kb4	bxa4	59	Kd6	h2
20	Qc4	bxa5	40	kxc4	a3	60	kc6	h1=Q

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) lan Jia | SIGNATURE (ARBITER)

17:05

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8
Round 5
Date 6 2026.7.19
Board 5

WHITE Tao. Hongyu — FED CHN — RESULT (W) 1/2
BLACK Yang. Peilin — FED CHN — RESULT (B) 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	ab	Na7	41	Ng1	Ne7
2	d4	d5	22	Bd3	Rc1+	42	Nf3	Nf5
3	e5	c5	23	Bc1	Rc8	43	Bf5	g6
4	c3	Qb6	24	h3	fg	44	Nh4	Kg7
5	Nf3	Nc6	25	Ng5	Qc6	45	Ka4	Kf7
6	a3	Nh6	26	Bb2	h6	46	Kb3	Be7
7	b4	cd	27	Nh3	Nb5	47	Ka4	Bf8
8	cd	Nf5	28	Ke2	Nc3+	48		
9	Bb2	Bd7	29	Bc3	Qc3	49		
10	g4	Ne7	30	Qc3	Rc3	50		
11	Bd3	g6	31	b5	Kf7	51		
12	Nbd2	B97	32	Ra1	Rc7	52		
13	Nb3	Rc8	33	f4	Nc8	53		
14	Nc4	Qc7	34	kd2	Ra7	54		
15	Rc1	b6	35	Ra7	Na7	55		
16	Nd7	Qd7	36	Kc2	Bf8	56		
17	Bb5	0-0	37	Kb3	Be7	57		
18	h4	a5	38	g5	h5	58		
19	h5	Qb7	39	Be2	Nc8	59		
20	Qd2	ab	40	Bd3	Bf8	60		

SIGNATURE (WHITE) Tao. Hongyu — SIGNATURE (BLACK) Yang. Peilin — SIGNATURE (ARBITER) S/R

17:05

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8
Round 5
Date 7/19
Board 6

WHITE Tao. Hongyu — FED CHN — RESULT (W) 0.5
BLACK Yang. Peilin — FED CHN — RESULT (B) 0.5

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	ab	Na7	41	Ng1	Ne7
2	d4	d5	22	Bd3	Rc1	42	Nf3	Nf5
3	e4	c5	23	Bc1	Rc8	43	Bf5	g6
4	c3	Qb6	24	h3	fg	44	Nh4	Kg7
5	Nf3	Nc6	25	Ng5	Qc6	45	Ka4	Kf7
6	a3	Nh6	26	Bb2	h6	46	kb3	Be7
7	b4	cd	27	Nh3	Nb5	47	Ka4	Bf8
8	cd	Nf5	28	ke2	Nc3	48		
9	Bb2	Bd7	29	Bc3	Qc3	49		
10	g4	Ne7	30	Qc3	Kc3	50		
11	Bd3	g6	31	b5	kf7	51		
12	Nbd2	B97	32	Ra1	Rc7	52		
13	Nb3	Rc8	33	f4	Nc8	53		
14	Nc4	Qc7	34	kd2	Ra7	54		
15	Rc1	b6	35	Ra7	Na7	55		
16	Nd7	Qd7	36	kc2	Bf8	56		
17	Bb5	0-0	37	kb3	Be7	57		
18	h4	a5	38	g5	h5	58		
19	h5	Qb7	39	Be2	Nc8	59		
20	Qd2	ab	40	Bd3	Bf8	60		

SIGNATURE (WHITE) Tao. Hongyu — SIGNATURE (BLACK) Yang. Peilin — SIGNATURE (ARBITER) S/R

17:30

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 2026.7.19 | Board 6

WHITE zheng jiutian	FED	RESULT (W)	1
BLACK xu, Vera jin tian	FED	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	b3	e5	21	Bad4	Rf8	41	Rd3	Rf4
2	Bb2	Nc6	22	Re3	Rd3	42	Rf6	Kg7
3	e3	h5	23	Re7	Rf6	43	Rb6	Rf1
4	Nf3	e4	24	Rb7	c5	44	Kg5	Rf2
5	Nd4	Nh4	25	Rb5	Kf8	45	Rb7	Kf8
6	Bd4	d5	26	Bb5	Bb5	46	Rf2	Rg2
7	d3	c5	27	Rb5	Bd4	47	Kf4	Rf2
8	Bb2	Bg4	28	Re1	a4	48	Kg3	Rf6
9	Be2	Be2	29	Rb6	Kg7	49	Rb5	Rg6
10	Kg2	ed	30	Rb5	Kf6	50	g5	Re6
11	cd	Nf6	31	Rf1	Rf4	51	Kf4	Re7
12	0-0	Be7	32	h3	a6	52	g4	Kf7
13	Nd2	h4	33	a6	Rb6	53	Rf5	Rf5
14	h3	g5	34	Rb3	Rf4	54	gf	Kg7
15	Re1	ed3	35	h3	Kg7	55	h4	Kf7
16	Qf3	d4	36	Kf2	f5	56	h5	Kg7
17	ed	cd	37	Kf3	f4	57	h6	Kh7
18	Ne4	Ne4	38	f4	Kg6	58	h7	Kg7
19	Be4	0-0	39	Kf4	Kf4	59	Kf5	Kh7
20	Bd4	Bd4	40	Kf3	Rf4	60	Qh7	Kh8

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
zheng jiutian	Vera xu	Sr

17:30

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 19/07 | Board 6

WHITE Zheng Jiutian	FED chn	RESULT (W)	1
BLACK Vera xu Jintian	FED NZL	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	b3	e5	21	Bad4	Rf8	41	Rd3	Rf4
2	Bb2	Nc6	22	Re3	Rd3	42	Rf6	Kg7
3	e3	h5	23	Re7	Rf6	43	Rb6	Rf1
4	Nf3	e4	24	Rb7	c5	44	Kg5	Rf2
5	Nd4	Nh4	25	Rb5	Kf8	45	Rb7	Kf8
6	Bd4	d5	26	Bb5	Bb5	46	g3	Rg2
7	d3	c5	27	Rb5	Bd4	47	Kf4	Rf2
8	Bb2	Bg4	28	Re1	a4	48	Kg3	Rf6
9	Be2	Be2	29	Rb6	Kg7	49	Rb5	Rg6
10	Kg2	exd	30	Rb5	Kf8	50	g5	Re6
11	cxd	Nf6	31	Rg1	Rg1	51	Rb5	Re7
12	0-0	Be7	32	h3+axb		52	g4	Kf7
13	Nd2	h4	33	axb	Rb8	53	Rb5	Rf7
14	h3	g5	34	Rb3	Rb4	54	g5	Kg7
15	Re1	Qd7	35	f3	Kg7	55	h4	Kf7
16	Qf3	d4	36	Kg2	f5	56	h5	Kg7
17	exd	cxe	37	Kf3	f4	57	h6	Kh7
18	Nd4	Ne4	38	fxg	Kg6	58	h7	Kg7
19	Qd4	0-0	39	Kf4	Kf4	59	Qh5	Kh7
20	Qd4	Qd4	40	Kf3	Rf4	60	Qh7	Kh8

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
zheng jiutian	Vera	Sr

17:00

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group 68
Round 5
Date 7.19
Board 7

WHITE 刘静雅	FED CHN	RESULT (W) 1	
BLACK Shreyanshi	FED IND	RESULT (B) 0	

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qe3	Nc6	41		
2	Nf3	Nc6	22	Kh1	Nb4	42		
3	Bc4	Be5	23	Qc3	Nc6	43		
4	c3	Nf6	24	Nb3	Qf6	44		
5	d3	d6	25	Nc5	Qg6	45		
6	a4	a6	26	Qd2	Rd8	46		
7	b4	Ba7	27	Rf2	Qh5	47		
8	Qb3	0-0	28	Rd1	Nxd2	48		
9	0-0	h6	29	Rxd2	Qxf3	49		
10	Be3	Bxe3	30	Nxe6	Nxd4	50		
11	fe	Qe7	31	Nxf8	Nc6	51		
12	Nbd2	Be6	32	Nd7	Kh8	52		
13	Bxe6	fe	33	Qd5	Qb3	53		
14	d4	cd	34	Rdg1	Nb4	54		
15	ed	Rae8	35	Qf1	Qc3	55		
16	b5	Nd8	36	Rxg7	Qc2	56		
17	ba	ba	37	Rg8+	Rxg8	57		
18	a5	d5	38	Qxg8#		58		
19	ed	Nxd5	39			59		
20	c4	Nf4	40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
刘静雅		SR

1

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G-8
Round 5
Date
Board 7

WHITE Jingya	FED China	RESULT (W) 1	
BLACK Shreyanshi	FED India	RESULT (B) 0	

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5 -1:30	21	Qe3	Nc6 -1:09	41		
2	Nf3	Nc6 -1:30	22	Kh1	Nb4 -1:07	42		
3	Bc4	Be6 -1:31	23	Qc3	Nc6 -1:06	43		
4	c3	Nf6 -1:31	24	Nb3	Qf6 -1:03	44		
5	d3	d6 -1:30	25	Nc5	Qg6 -1:02	45		
6	a4	a6 -1:29	26	Qd2	Rd8 -1:01	46		
7	b4	Ba7 -1:29	27	Rf2	Qh5 -57	47		
8	Qb3	0-0 -1:26	28	Rd1	Nxg2 -56	48		
9	0-0	h6 -1:24	29	Rxg2	Qxf3 -56	49		
10	Be3	Bxe3 -1:23	30	Nxe6	Nxd4 -52	50		
11	fxe3	Qe7 -1:21	31	Nxf8	Nc6	51		
12	Nbd2	Be6 -1:21	32	Nd7	Kh8	52		
13	Bxe6	fxe6 -1:21	33	Qd5	Qb3	53		
14	d4	exd4 -1:20	34	Rdg1	Nb4	54		
15	exd4	Rae8 -1:17	35	Qf1	Qc3	55		
16	b5	Nd8 -1:16	36	Rxg7	Qc2	56		
17	bxa6	bxa6 -1:16	37	Rg8	Rxg8	57		
18	a5	d5 -1:14	38	Qxf7#		58		
19	exd5	Nxd5 -1:13	39			59		
20	c4	Nf4 -1:13	40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
刘静雅		SR

17:29

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 7.19 | Board 8

WHITE	FED	RESULT (W)
Zhu Xianshuo	CHN	1/2
BLACK	**FED**	**RESULT (B)**
Liu Miao Yan	CHN	1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	Rxd8	Rxd8	41	Kg2	Qe2
2	Nf3	b6	22	Rxd8+	Bxd8	42	Kh3	Qh5
3	g3	Bb7	23	Qb5	Qe7	43	Kg2	Qe2
4	Bg2	e6	24	Bg5	Qf8	44	Kg1	Qe1+
5	0-0	Be7	25	Be3	h6	45		
6	d4	d5	26	Qd7	Qe7	46		
7	cd	ed	27	Qc8	Kh7	47		
8	Nc3	0-0	28	f4	Bc7	48		
9	Ne5	Nc6	29	Qf5+	Kg8	49		
10	Qa4	Nxe5	30	Qd3	Qb4	50		
11	de	Ne8	31	Qd7	Qe1+	51		
12	Rd1	c6	32	Kg2	Qxe3	52		
13	e4	Nc7	33	Qxc7	Qe2+	53		
14	ed	cd	34	Kh3	Qh5+	54		
15	Qb3	Qd7	35	Kg2	Qe2+	55		
16	Nxd5	Bxd5	36	Kh3	Qh5	56		
17	Bxd5	Nxd5	37	Kg2	Qe2+	57		
18	Rxd5	Qb7	38	Kg1	Qe1+	58		
19	Be3	Kh8	39	Kg2	Qe2+	59		
20	Rad1	Rad8	40	Kg1	Qe1+	60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
朱贤硕	刘妙延	SR

17:29

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 19 Jul | Board 8

WHITE	FED	RESULT (W)
Zhu Xianshuo	CHN	½
BLACK	**FED**	**RESULT (B)**
Liu Miaoyan	CHN	½

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	Rd8	Rd8	41	Kg2	Qe2
2	Nf3	b6	22	Rxd8	Bd8	42	Kh3	Qh5
3	g3	Bb7	23	Qb5	Qe7 Bg5	43	Kg2	Qe2
4	Bg2	e6	24	Qf8	Be3	44	Kg1	Qe1
5	0-0	Be7	25	h6	Qd7	45		
6	d4	d5	26		Qe7	46		
7	cd	ed	27	Qc8	Kh7	47		
8	Nc3	0-0	28	f4	Bc7	48		
9	Ne5	Nc6	29	Qf5	Kg8	49		
10	Qa4	Ne5	30	Qd3	Qb4	50		
11	de	Ne8	31	Qd7	Qe1	51		
12	Rd1	c6	32	Kg2	Qe3	52		
13	e4	Nc7	33	Qc7	Qe2	53		
14	ed	cd	34	Kh3	Qh5	54		
15	Qb3	Qd7	35	Kg2	Qe2	55		
16	Nd5	Bd5	36	Kh3	Qh5	56		
17	Bd5	Nd5	37	Kg2	Qe2	57		
18	Rd5	Qb7	38	Kg1	Qe1	58		
19	Be3	Kh8	39	Kg2	Qe2	59		
20	Rad1	Rad8	40	Kg1	Qe1	60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
朱贤硕	刘妙延	SR

18:00

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 7/18 | Board 9

WHITE Oh, Yeram	FED 1421	RESULT (W) ½	
BLACK 薛静为	FED 1577	RESULT (B) ½	

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	a4	Bd7	41	Kd3	h5
2	Nc3	d5	22	Rd3	ed	42	Ke2	h4
3	Nf3	de	23	Bd5	Bc6	43	Kf2	Ke5
4	Ne4	Nf6	24	Rad1	Bd5	44	g3	h3
5	Qe2	Ne4	25	Rd5	Rd5	45	f4	Ke4
6	Qe4	Nd7	26	Rd5	R8	46	Ke2	Kd4
7	Bc4	Nf6	27	f3	R3	47	Kd2	Ke4
8	Ne5	c6	28	b4	Rc4	48	Ke2	Kd4
9	Qe2	Bd6	29	b5	Rc4	49	Kd2	Ke4
10	0-0	0-0	30	Rd6	Kg7	50	Ke2	
11	d4	Qd6	31	Rb8	Qb	51		
12	Rd1	Rd8	32	Rb7	Rd7	52		
13	c3	Be5	33	Rb8	f5	53		
14	Qe5	c5	34	Kf2	Kg6	54		
15	b3	cd	35	Ke3	f6	55		
16	cd	Qd6	36	Ke4	Kf7	56		
17	Bg5	Qe7	37	Kc5	Kg6	57		
18	Bf6	Qf6	38	Rb5	Rb5	58		
19	Qf6	gf	39	Kb5	Kg5	59		
20	b5	h6	40	Kc4	Kf4	60		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) 薛静为 | SIGNATURE (ARBITER)

18:00

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 7/19 | Board 9

WHITE Oh, Yeram	FED 1421	RESULT (W) 0.5	
BLACK Xue, Jing-wei	FED 1577	RESULT (B) 0.5	

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	d4	Bd7	41	Kd3	h5
2	Nc3	d5	22	Rd3	exd5	42	Ke2	h4
3	Nf3	dxe4	23	Bxd5	Bc6	43	Kf2	Ke5
4	Nxe4	Nf6	24	Rad1	Bd5	44	g3	h3
5	Qe2	Nxe4	25	Rxd5	Rxd5	45	f4+	Ke4
6	Qxe4	Nd7	26	Rxd5	Rc1	46	Ke2	Kd4
7	Bc4	Nf6	27	f3	Rc3	47	Kd2	Ke4
8	Ne5	e6	28	b4	Rc4	48	Ke2	Kd4
9	Qe2	Bd6	29	b5	Rxc4	49	Kd2	Ke4
10	0-0	0-0	30	Rd8+	Kg7	50	Kc2	
11	d4	Qd6	31	Rb8	axb5	51		
12	Rd1	Rd8	32	Rxb7	Rc5	52		
13	f3	Bxe5	33	Rb8	f5	53		
14	Qxe5	c5	34	Kf2	Kg6	54		
15	b3	cxd4	35	Ke3	f6	55		
16	cxd4	Qd6	36	Kd4	Kf7	56		
17	Bg5	Qe7	37	Kc5	Kg6	57		
18	Bxf6	Qxf6	38	Rxb5	薛 Rxb5	58		
19	Qxf6	gxf6	39	Kxb5	Kg5	59		
20	e5	a6	40	Kc4	Kf4	60		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) 薛静为 | SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8

Round 5

Date 28-7-26

Board 10

WHITE	FED	RESULT (W)
Apyzalieva, Adelina	KGZ	1
BLACK Zamxujaeva Mohinur	FED UZB	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	c5	c6	41	Kg1	Kf3
2	Kf3	Kc6	22	b3	Kd2	42	gf	Kh5
3	d4	ed	23	a4	a6	43	Kg6	K4
4	c4	c7	24	g3	c6	44	c7	Kf3
5	c3	dc	25	b4	b5	45	b4	K5
6	Qa5	Kf6	26	cb3	K4	46	Kh6	c5
7	0-0	0-0	27	a8	a6	47	g4	Kh1
8	c1	Kb4	28	Ka4	K4	48	Kg5	g5
9	Qd1	c2	29	cf	Kf3	49	Kh8	g6
10	Qe2	Bf	30	K4	Kd6	50	cf8	K7
11	Kb1	d5	31	Kg2	Kg6	51	c6	c5
12	ed	Kd5	32	Kf3	Kd7	52	g7	Kg8
13	0-0	cf5	33	g6	g6	53	Kg1	b5
14	Ka1	K8	34	f4	Kf7	54	h7	Kb2
15	Qd4	c6	35	K3	e5	55	g7	a2
16	Kd1	cf6	36	Ka6	K3	56	K8	b1Q
17	Ke5	c5	37	Kd7	Ka3	57	Kb7	Qe1
18	Kd8	Kac8	38	Kc7	Ka7	58	K4	Cg7
19	Cg5	Kf6	39	Kc6	Kh7	59	Qg7	Kd3
20	Kb1	K5	40	h5	f5	60	Qe2	Kc1

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G-8.

Round 5

Date 19.06.26

Board -10- 10

WHITE	FED	RESULT (W)
APYZALIEVA, ADELINA	KGZ	1
BLACK AZAMKHUJAEVA, MOHINUR	FED UZB	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	e5.	21	G3	Cb	41	Ce7.	Nf5.
2	Kf3.	Kc6.	22	b4.	b5.	42	b4.	K5.
3	d4.	ed	23	Cb3	Ne4.	43	Nb6.	G4.
4	Cc4.	ce7.	24	Ab.	Ab.1	44	C5.	Nh1.
5	G3.	dc	25	NC1.	Nb4.	45	Kpb5.	G5.
6	Qd5.	Kf6.	26	Cf7.	Kpf7	46	Nh8.	Gb.
7	Cf6.	0-0.	27	Nb4.	Nb6.	47	Cf8.	Nf7
8	Cc1.	Kb4	28	Kpc2.	Kpe6.	48	Cd5.	Kb.
9	Qd1.	C2.	29	Kf3.	Kpf4.	49	Ce5.	G4.
10	Qe2.	Cf5.	30	Kpe4.	Gb.	50	Nc8.	Ng1.
11	Na1.	~~Qe2~~ Na8.	31	F4.	Kpe7.	51	G3.	K7.
12	~~Qe2~~ e5.	Ce6.	32	Nb3.	Ne6.	52	Nc7.	Nge.
13	d4.	Cf6.	33	Kpf3.	Nf3.	53	G2.	Nh8. Q
14	Kc6.	Ce5.	34	Kpf4.	Nf3.	54	b1. Q.	Nb7.
15	Kd8.	Nh8.	35	Kpc4.	Nf7	55	Kpc4.	Nb1.
16	~~Nc6e5.~~	~~Ce5~~ Kd5	36	Kpb6.	Nh7	56	Ce7.	Qe7.
17	Kpc4 Nb1.	Kb.	37	H5.	F5.	57	Kpb3.	Qf4.
18	Cf6.	Cf6.	38	Cg5.	Nf1.	58	Kpc4.	Qf1.
19	G3.	Ne2.	39	Gf.	Nh5.	59	Kpc3.	Nb3.
20	h4.	Ab	40	Ne6.	Ne4	60	Kpc4.	Qf3.

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) SIGNATURE (ARBITER)

17:44

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 19.09.26 | Board 11

WHITE: Prayger, Elizaveta | FED: RUS | RESULT (W): 1

BLACK: Isayeva, Lachyn | FED: TUR | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	c5.	21	ab.	Kd6.	41	Knh2	Knq6
2	c3.	d6.	22	Kd5.	Ld8.	42	Φb8	Knq7
3	d4.	cd.	23	Ke3.	Kb5.	43	Lc7+	Knq6
4	cd.	Kf6.	24	Lf1.	a6	44	aq8.	Knf5
5	Kc3.	g6.	25	Knh2	Kd4	45	Lc5	Knf4
6	Kf3.	Kc6.	26	Kd4	Ld4	46	Φc4 X	
7	Cc4.	Cg7.	27	Ld4	Cd4.	47		
8	Cd2.	00.	28	Le2	Ce3	48		
9	h3.	cd7.	29	Le3	b5	49		
10	00.	Lc8.	30	Knq3	Knq7	50		
11	cb3.	Ka5	31	Lf7	Knf6	51		
12	Le1.	Kb3.	32	La7	Kne6	52		
13	Φb3.	Φc7.	33	La6	Knf5	53		
14	Lac1	b6.	34	La5	Knf6	54		
15	e5	Ke8	35	Lb5	Knq7	55		
16	Cg5	Φd8	36	Lc5	h6	56		
17	ed	Ce6	37	b4	h5	57		
18	de	Φe7	38	b5	f6	58		
19	a7.	Cb3.	39	b6	g5	59		
20	Cf8	Knf8	40	b7.	h4	60		

SIGNATURE (WHITE): Lizzi | SIGNATURE (BLACK): Lachyn | SIGNATURE (ARBITER): SR

17:44

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date | Board 44

WHITE: prayger Elizaveta | FED | RESULT (W): 1

BLACK: Isayeva Lachyn | FED | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	d5	Kd6	41	Lc7	Kegf5
2	c3	d6	22	Kd5	Ld8	42	Φg3	Kef5
3	d4	cd	23	Ke3	~~Kb5~~ Ka5	43	Lc5	Kef4
4	cd	Kf6	24	~~Th5~~	a6	44	Φc4	
5	Kc3	g6	25	Lf1	Kd4	45		
6	Kf3	Kc6	26	Knh2	Kd4	46		
7	Cc4	Cg7	27	Kd4	Ld4+ Cd4	47		
8	Cd2	0-0	28	Le2	Ce3	48		
9	h3	Cd7	29	Le3	b5	49		
10	0-0	Lc8	30	Kegf2	Ld7	50		
11	Cb3	Kd5	31	Knf6	Ld7	51		
12	Le2	Kf3	32	Kne6	Ld6	52		
13	Φe3	Φc7	33	Kne5	La5	53		
14	Lac8	b6	34	Ld5	Kegf7	54		
15	■e5	Ke8	35	Lc5	h5	55		
16	Cg5	Φd8	36	b4	b5	56		
17	e6	Ce6	37	f6	f5	57		
18	de	Φe7	38	g5	f7	58		
19	Cd7	Cb3	39	d4	Knh8	59		
20	Cf8	Knf8	40	f8Φ	Keg7	60		

SIGNATURE (WHITE): Lizzi | SIGNATURE (BLACK): Lachyn | SIGNATURE (ARBITER): SR

17:30

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8
Round 5
Date
Board 12

WHITE	GUIOMOVA Farzona	FED	RESULT (W) 0
BLACK	NURMUKHAMETSARA	FED	RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Kd3	KC4	41	Te5	Ue5
2	Kf3	KC6	22	KC4	ΦC4	42	Ue5	Cd5
3	Cc4	Kf6	23	b3	ΦC5	43	Kf3	Up7
4	Kg5	d5	24	KPh1	Cg3	44	Ke3	Od5
5	ed	Ke5	25	Cb2	Uc8	45	Kc6	Cc7+
6	Cb5+	C6	26	Cd4	ΦD8	46	Ke5	Ce5
7	dc	bc	27	Ue7	Ud8	47	KPh1	d2
8	Ce2	h6	28	Ce3	Φe6	48	h4	P1=Φ+
9	Kf3	e4	29	Cf2	Cd6	49	UP1	UPA7
10	Kg1	CD6	30	Ce3	Φe3	50		
11	f3	ef	31	Φd5	ΦC5	51		
12	Kf3	ΦC7	32	Φc6	Udf	52		
13	00	00	33	ΦB7	Ue7	53		
14	h3	Ke4	34	B4	UB7	54		
15	D4	C5	35	BC	CC5	55		
16	Ke5	CD	36	KPh2	CB4	56		
17	Cf3	CB7	37	d3	CC3	57		
18	Ce4	Ce4	38	Ue2	Ue2	58		
19	Kf3	CC2	39	Kg1	Ue7	59		
20	ΦD2	D3	40	d4	Ue4+	60		

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) SARA SIGNATURE (ARBITER) SR

17:30

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8
Round 5
Date
Board 12

WHITE	FARZONA	FED	RESULT (W) 0
BLACK	SARA	FED	RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	KC4	KC4	41	UA5	CA5
2	Kf3	KC6	22	b3	[illegible]	42	Kf3	Ud7
3	Cc4	Kf6	23	[illegible]	[illegible]	43	Ke5	Ud5
4	Kg5	d5	24	Cb2	Uc8	44	KC6	CC4
5	ed	KA5	25	Cd4	ΦD8	45	Ke5	Ce5
6	Cb5	C6	26	CA7	Ufe8	46	KPh1	d2
7	dc	bc	27	Ce3	Φe6	47	h4	Φd1-P
8	ce2	h6	28	Cf2	Cd6	48	Ud1	Ud1
9	Kf3	e4	29	Ce3	Φe3	49		
10	Kg1	Cd6	30	ΦA5	ΦC5	50		
11	f3	ef	31	ΦA6	UA8	51		
12	Kf3	ΦC5	32	ΦD4	UA4	52		
13	0-0	0-0	33	b4	Ub7	53		
14	h3	Ke4	34	bc	CC5	54		
15	d4	c5	35	KPh2	Cb4	55		
16	Ke5	Cd	36	A3	CC3	56		
17	Cf3	Cb7	37	UA2	Uc2	57		
18	Ce4	Ce4	38	Kg1	Ue7	58		
19	Kf3	CC2	39	A4	UA7	59		
20	Φd2	d3	40	A5	UA5	60		

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) SARA SIGNATURE (ARBITER) SR

6:14

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1 chers

Group G8 | Round 5 | Date | Board 13

WHITE Nishitha Gogiula | FED | RESULT (W) 0

BLACK Nguyen Duong Nha Uyen | FED | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Bxe2	Nxe2	41	Qe8+	Kg7
2	d4	d5	22	Rc4	Ra4	???	Qxe7	Nh4
3	exd5	cxd5	23	Rc8	Ra8	43	Ne2	Qxf4
4	c4	Nf6	24	Qc7	Bxa8+	44	Qxg7#	
5	Nc3	g6	25	Qxc8	Qd3	45		
6	Bd3	Bg7	26	Bxa8	Rc8	46		
7	Ne2	0-0	27	h3?	Nf6	47		
8	0-0	Nb8	28	Qa5	Qd7	48		
9	Nc6	Bf4	29	d5	Rxa8	49		
10	dxc4	bxc4	30	Qxc8	Qe8	50		
11	bf5	a3	31	Qxa7	Ne4	51		
12	Na5	bg2	32	Qc8	Qc8	52		
13	Rc8	b4	33	bf4	Qd8	53		
14	Nc4	Qb3	34	b5	g5	54		
15	Nh5	be3	35	Kh2	Qa5	55		
16	be6	Qc2	36	Ng3	Qe1+	56		
17	Nxa3	Qb2	37	Nf1	Qxf2	57		
18	Nc4	bxc4	38	Kh1	Qf1	58		
19	Bxc4	Bxa7	39	bg1	Ng3	59		
20	Qb7	Ra1	40	Kh2	Ne8	60		

SIGNATURE (WHITE) Nishitha | SIGNATURE (BLACK) Uyên | SIGNATURE (ARBITER)

6:14

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date | Board 13

WHITE | FED AUS | RESULT (W) 0

BLACK Uyên | FED VIE | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rfa1	Be2	41	Kh2	Be6
2	d4	d5	22	Ne2	Rc4	42	Qe8	Kg7
3	ed	cd	23	R1d4	RFc8	43	Qe7	Bf4
4	c4	Nf6	24	Ra8	Qc7	44	Qb4	Ne2
5	Nc3	g6	25	Rc8	Qc8	45	Qf4	
6	Bd3	Bg7	26	Qa3	Qf5	46		
7	Ng e2	0-0	27	Ra8	Rc8	47		
8	0-0	Nc6	28	h3	Nf6	48		
9	Bf4	dc	29	Qa5	Qd7	49		
10	Bc4	Bf5	30	d5	Ra8	50		
11	a3	Na5	31	Qa8	Qe8	51		
12	Ba2	Rc8	32	Qb7	Ne4	52		
13	b4	Nc4	33	Qc6	Qb8	53		
14	Qb3	Nh5	34	Bf4	Qd8	54		
15	Be3	Be6	35	b5	g5	55		
16	Qc2	Na3	36	Bh2	Qa5	56		
17	Qb2	Nc4	37	Ng3	Qe1	57		
18	Bxc4	Bc4	38	Nf1	Qf2	58		
19	Ra7	Qb6	39	Kh1	Qf1	59		
20			40	Bg1	Ng3	60		

SIGNATURE (WHITE) Nishitha | SIGNATURE (BLACK) Uyên | SIGNATURE (ARBITER)

16:23

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group	Round	Date	Board
08	5		14 / 16

WHITE	FED	RESULT (W)
Li, Fiona Chenxi		1

BLACK	FED	RESULT (B)
Chernogrudova, Serafima		0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qd3	Qh6	41		
2	c4	e6	22	Kf5	Qg5	42		
3	Kf3	Kf6	23	Ke7	Kph8	43		
4	g3	c5	24	Kf5	Nd8	44		
5	cd	ed	25	Qc2	g6	45		
6	c g7	Kc6	26	e6	f6	46		
7	e3	cg4	27	h4	Qg4	47		
8	h3	Gf5	28	Nd8	Nd8	48		
9	a3	Qa5+	29	Cf6+	Kpg8	49		
10	Cd2	Qb6	30	Kh6+	Kpf1	50		
11	CC3	Ke4	31	Qc5+	Kpe1	51		
12	Kd2	Cd	32	Qe7x		52		
13	Kd4	Kd2	33			53		
14	Qd2	Ce4	34			54		
15	Ce4	de	35			55		
16	Qc2	Ke5	36			56		
17	Qe4	Cd6	37			57		
18	f4	Qh6	38			58		
19	fe	Ce7	39			59		
20	Nd1	0-0	40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Fiona	YS	SR

16:23

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group	Round	Date	Board
08	5		14

WHITE	FED	RESULT (W)
Fiona Li Chenxi	NZL	1

BLACK	FED	RESULT (B)
Chernogrudova Serafima	RUS	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qd3	Qh6	41		
2	c4	e6	22	Nf5	Qg5	42		
3	Nf3	Nf6	23	Nxe7+	Kh8	43		
4	g3	c5	24	Nf5	Rd8	44		
5	cxd5	exd5	25	Qc2	g6	45		
6	Bg2	Nc6	26	b4	f6	46		
7	e3	Bg4	27	h4	Qg4	47		
8	h3	Bf5	28	Rxd8	Rxd8	48		
9	a3	Qa5+	29	Bxf6+	Kg8	49		
10	Bd2	Qb6	30	Nh6+	Kf8	50		
11	Bc3	Ne4	31	Qxc5+	Ke8	51		
12	Nbd2	cxd5	32	Qe7#		52		
13	Nxd4	Nxd2	33			53		
14	Qxd2	Bg4	34			54		
15	Bxe4	dxe4	35			55		
16	Qc2	Ne5	36			56		
17	Qxe4	Bd6	37			57		
18	f4	Qa6	38			58		
19	fxe5	Bxf1	39			59		
20	Rd1	0-0	40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Fiona	YS	SR

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date | Board 15

WHITE	Lugenko	FED	RESULT (W)	0
BLACK	Lin Leyi	FED	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	e6	21			41		
2	Nf6	g3	22			42		
3	~~Nf6~~	~~Kf7~~	23			43		
4	c g2	c5	24			44		
5	0-0	Nc6	25			45		
6	b2	Ce7	26			46		
7	Cb2	cd	27			47		
8	Kdh1	Cd7	28			48		
9	Nc3	Nc7	29			49		
10	Qd2	Cb4	30			50		
11	a3	Ce7	31			51		
12	Rad1	Kd4	32			52		
13	Qd4	b6	33			53		
14	Re1	Qc2	34			54		
15	Rc1	Ca3	35			55		
16	Kd5	Kd5	36			56		
17	Ca3	Qc3	37			57		
18	Qh4	Qf6	38			58		
19	Qa7		39			59		
20			40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
	Illy	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G08 | Round 5 | Date 7.19 | Board 15

WHITE	Legenko, Stefaniya 1s	FED	Rus	RESULT (W)	0
BLACK	Lin leyi (bwD) Std 1499	FED	CHN	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	e6	21			41		
2	Nf3	d5	22			42		
3	g3	Nf6	23			43		
4	Bg2	c5	24			44		
5	0-0	Nc6	25			45		
6	b3	Be7	26			46		
7	Bb2	cd	27			47		
8	Nb4	Bd7	28			48		
9	Nc3	Rc8	29			49		
10	Qd2	Bb4	30			50		
11	a3	Be7	31			51		
12	Rad1	Nd4	32			52		
13	Qd4	b6	33			53		
14	Kfe1	Qc7	34			54		
15	Rc1	Ba3	35			55		
16	Nd5	Nd5	36			56		
17	Ba3	Qf6	37			57		
18	Qa4	Ba4	38			58		
19			39			59		
20			40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
	Illy	

1

4:33

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group: G-8
Round: 5
Date: 2026.7.19
Board: 16

WHITE	Pragnika Vaka	FED	IND	RESULT (W)	1/2
BLACK	Huang Yujia	FED	CHN	RESULT (B)	1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qe7	Qf2	41		
2	Nc3	Nc6	22	Nb4	Rb2	42		
3	Nb5	d6	23	Rd8	Re1	43		
4	Bxc6	bxc6	24	Rd8	Rd8	44		
5	f4	g6	25	N95	Qf6	45		
6	Nf3	Bg7	26	Rb	Rebl	46		
7	0-0	Bg4	27	e5	g3	47		
8	h3	Bxf3	28	exf4	gxf4	48		
9	Qxf3	Qc7	29	Rd4	Rd1	49		
10	b3	Rc8	30	Rd4	NNe4	50		
11	Bb2	Nf6	31	Qf5	Kh2	51		
12	Nf6	Rb1	32	Nd5	Rf1	52		
13	0-0	Nd1	33			53		
14	Rd8	Rcd8	34			54		
15	d3	e6	35			55		
16	Nf2	h5	36			56		
17	e5	Nd5	37			57		
18	exd6	Qxd6	38			58		
19	Bxg7	Kxg7	39			59		
20	Ne4	~~Qe7~~	40			60		

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) Huang Yujia SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

4:33

Group: G-8
Round: 5
Date: 19/7/26
Board: 16

WHITE	Pragnika Vaka	FED	IND	RESULT (W)	1/2
BLACK	Huang Yujia	FED	CHN	RESULT (B)	1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 90	c5	21	Rb2 50	Rd5	41		
2	Nc3 91	Nc6	22	Re1 47	Rfd8	42		
3	Nb5 91	d6	23	Ng5 43	Qf6	43		
4	Bxc6 90	bxc6	24	Rebl 41	e5	44		
5	f4 91	g6	25	g3 41	exf4	45		
6	Nf3 90	Bg7	26	gxf4 41	Rd4	46		
7	0-0 91	Bg4	27	Ne4 40	Qf5	47		
8	h3 90	Bxf3	28	Kh2 39	Nd5	48		
9	Qxf3 90	Qc7	29	Rf1 38		49		
10	b3 84	Rc8	30			50		
11	Bb2 82	Nf6	31			51		
12	Rab1 77	0-0	32			52		
13	Nd1 70	~~Rcd8~~ Rcd8	33			53		
14	d3 67	e6	34			54		
15	Nf2 62	h5	35			55		
16	e5 57	Nd5	36			56		
17	exd6 57	Qxd6	37			57		
18	Bxg7 56	Kxg7	38			58		
19	Ne4 57	Qe7	39			59		
20	Qf2 54	Nb4	40			60		

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) Huang Yujia SIGNATURE (ARBITER)

17:57

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 2026.7.19 | Board 17

WHITE Wu Wan ting — FED CHN — RESULT (W) 0

BLACK Rajarathne, Himandi Sehansa De Silva — FED SRI — RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Kf2	Bc5	41	Re3	Rb6
2	Nf3	d6	22	Kg3	Qe6	42	Bd2 Ka2	Rc4 Bd2
3	d4	cd	23	Bxd8	Qg6	43	Bb5 Rc4	Rc3 Bb5
4	Nxd4	e5	24	Kf2	Nd7	44	Rcc3	Bxe3
5	Nb5	a6	25	Ke2	Nxc2	45	Rxe3	Bc4+
6	Nc3	Nc6	26	Kd2	Rd8	46	Ka1	Rb3
7	Nc3	h6	27	Nb5	Be3	47	Rxb3	Bxb3
8	Nd5	Nf6	28	Kxc2	Ba4	48	Kb2	Bd1
9	f3	Be7	29	Kb1	Bxd1	49	Kc4	Be2
10	Be3	Nd7	30	Ne7+	Kh7	50	Kb4	Bf1
11	Nc4	0-0	31	Nxg6	fxg6	51	g3	Bg2
12	Ncb6	Rb8	32	Bc4	Rd2	52	f4	ef
13	b4	Bg5	33	a3	Bc2	53	e5	f3
14	Nxd7	Bxd7	34	Ka2	Bd4	54	e6	f2
15	Bb6	Qe8	35	Rae1	Ba4	55	e7	
16	Bc7	Rc8	36	Kb1	Rb2	56	e8=Q	Bxe8
17	Bd6	Be7	37	Kc1	Rc2	57	Kc5	f1=Q
18	Nb6	Rd8	38	Kb1	Rc4	58	Kb7	Qb5
19	Bc7	Bb4	39	Rc1	Bc3	59	Ka7	Qc5+
20	Ke2	Nd4	40	Re1	Rc6	60	Ka8	b5

SIGNATURE (WHITE) Wu Wan ting — SIGNATURE (BLACK) — SIGNATURE (ARBITER) SR

17:57

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 19.07.26 | Board 17

WHITE Wu Wanting — FED CHN — RESULT (W) 0

BLACK Rajarathne, Himandi Sehansa De Silva — FED SRI — RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Kf2	Bc5	41	Re3	Rb6+
2	Nf3	d6	22	Kg3	Qe6	42	Ka2	Bd2
3	d4	cxd4	23	Bxd8	Qg6+	43	Rc4	Bb5
4	Nxd4	e5	24	Kf2	Nxc2+	44	Rcc3	Bxe3
5	Nb5	a6	25	Ke2	Bb5+	45	Rxe3	Bc4+
6	Nh3	Nc6	26	Kxd8	Nxd8	46	Ka1	Rb3
7	Nc3	h6	27	Ne5	Be3	47	Rxb3	Bxb3
8	Nd5	Nf6	28	Kxc2	Ba4+	48	Kb2	Bd1
9	f3	Be7	29	Kb1	Bxd1 Ne7+	49	Kc3	Be2
10	Be3	Nd7	30	Ne7+	Kh7	50	Kb4	Bf1
11	Nc4	0-0	31	Nxg6	fxg6	51	g3	Bg2
12	Ncb6	Rb8	32	Bc4	Rd2	52	f4	exf4
13	b4	Bg5	33	a3	Bc2+	53	e5	f3
14	Nxd7	Bxd7	34	Kb2	Bd4	54	e6	f2
15	Bb6	Qe8	35	Rae1	Ba4+	55	e7	Bc6
16	Bc7	Rc8	36	Kb1	Rb2+	56	e8=Q	Bxe8
17	Bxd6	Be7	37	Kc1	Rc2+	57	Kc5	f1=Q
18	Nb6	Rd8	38	Kb1	Rxc4	58	Kb6	Qb5+
19	Bc7	Bxb4+	39	Rc1	Bc3	59	Ka7	Qc5+
20	Ke2	Nd4+	40	Re1	Rc6	60	Ka8	b5

SIGNATURE (WHITE) Wu Wan ting — SIGNATURE (BLACK) — SIGNATURE (ARBITER) SR

5:56

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 7.16 | Board 18

WHITE	Nguyen Duc Huyen MY	FED VIE	RESULT (W) 1
BLACK	Tod-Erdene Naranbaatar	FED MGL	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	b3	Bd6	41	Qg4	Qb7+
2	Nf3	c6	22	Bd6	Qd6	42	Qe4	Qd7
3	c4	Nf6	23	Qd2	Qe6	43	Qc4	Qd1+
4	g3	Be7	24	Qd4	Qe5	44	Kg2	Qb1
5	Bg2	0-0	25	b4	Nc6	45	Qd4	Qb4 Qb4
6	0-0	b6	26	Qd3	Qe6	46	Kf3	Qb1
7	Qc2	Nbd7	27	a3 a3	Ng5	47	Qd4	Kf8
8	Rd1	c5	28	Ng5 h6	Qg5	48	Qb4	Kg2
9	dc5	Nc5	29	Kg2	Qe5	49	Qa7	Kg6
10	cd5	ed5	30	e3	g6	50	Qb6	Qd1+
11	Nc3	Bb7	31	Qd8+	Kh7	51	Kf3	Qd3+
12	Ng5	h6	32	Qd4	Qe6	52	Kd4	Qd1+
13	Td5 Bd5	Qc7	33	Qf4	g5	53	Kc5	Qc2+
14	Bb2	Qb7	34	Qf3	Vg7	54	Kd6	Qd3+
15	Nf3	Rfd8	35	h3h3	Bb3	55	Kc7	Qc4+
16	Bf4	Rac8	36	Qc6	Qd3	56	Kb7	Qd1+
17	Rd8	Rd8	37	b5	Qe7	57	Qc6	Qf7+
18	Rd1	Nd5	38	Qd5	Qc7	58	Kb6	Qe7
19	Nd5	Rd5	39	Kf3	Qc8	59	g4	Qd8+
20	Rd5	Qd5	40	Qd4+	f6	60	Qc2	Qd3

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
MY	TOd-Erdene	

5:56

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 7.16 | Board 18

WHITE	Nguyen Duc Huyen MY	FED VIE	RESULT (W) 1
BLACK	Tod-Erdene Naranbaatar	FED MGL	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	b3	Bd6	41	Qg4	Qb7+
2	Nf3	c6	22	Bd6	Qd6	42	Qe4	Qd7
3	c4	Nf6	23	Qd2	Qe6	43	Qc4	Qd1+
4	g3	Be7	24	Qd4	Qe5	44	Kg2	Qb1
5	Bg2	0-0	25	b4	Nc6	45	Qb5	Qb4
6	0-0	b6	26	Qd3	Qe6	46	Kf3	Qb1
7	Qc2	Nbd7	27	a3	Ng5	47	Qb7+	Kf8
8	Rd1	c5	28	Ng5	Bg5	48	Qb8+	Kg7
9	dc5	Nc5	29	Kg2	Qe5	49	Qa7+	Kg6
10	cd	ed	30	e3	g6	50	Qb6	Qd1+
11	Nc3	Bb7	31	Qd8+	Kh7	51	Kf4	Qh1+
12	Ng5	h6	32	Qd4	Qe6	52	Kd4	Qd1+
13	Bd5	Qc7	33	Qf4	g5	53	Kc5	Qc2+
14	Bb7	Qb7	34	Qf3	Kg7	54	Kd6	Qd3+
15	Nf3	Rfd8	35	h3	Bb3	55	Kc7	Qc4+
16	Bf4	Rac8	36	Qc6	Qd3	56	Kb7	Qd5+
17	Rd8+	Rd8	37	b5	Qe7	57	Qc6	Qf7+
18	Rd1	Nd5	38	Qd5	Qc7	58	Kb8	Qe7
19	Nd5	Rd5	39	Kf3	Qc8	59	g4	Qd8+
20	Rd5	Qd5	40	Qd4+	f6	60	Qc7	Qd3

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
MY	TOd-Erdene	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8

Round 5

Date 19/7/26

Board 19

WHITE Nuralieva Safiya	FED UZB	RESULT (W) 1	
BLACK Muhd Amirul Izzat, Aisya Azzahra	FED MAS	RESULT (B) 0	

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c6	21	Nd4	Bd7	41	Kb2	Rc8+
2	e4	c5	22	Nxd5	Bd8	42	Qe6	Rxe8+
3	g3	Nc6	23	Qb3	Kh7	43	Rf8	Rxf8#
4	Bg2	e6	24	Rfd1	Nc6	44		
5	Nc3	Nf6	25	Nxf6	Bxf6	45		
6	Ne2	a6	26	Nb6	Qf6	46		
7	0-0	Be7	27	Nxc8	Bxbg2	47		
8	d3	h6	28	Kxbg2	f4	48		
9	Be3	0-0	29	Qd8+	Kh8	49		
10	Qd2	Ng4	30	gxf4	Qxf4	50		
11	h3	Nxe3	31	Qg3	Qc4+	51		
12	Qxne3	f5	32	Kg1	Bh4	52		
13	e5	Nb4	33	Qd3	Bxf2+	53		
14	Rc1	d5	34	Kh2	Qf4+	54		
15	cxd5	exd5	35	Qg5	Nc7	55		
16	d4	cxd4	36	Qh5	Ne6	56		
17	Qxd4	Be6	37	Rf3	Qd8+	57		
18	a3	Nc6	38	Kh1	Nf4+	58		
19	Qd3	Nxe5	39	Rxf4	Qd3+	59		
20	Qe3	Qd6	40	Qd3	Kh8	60		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8

Round 20

Date

Board 19

WHITE NURALIEVASAFIYA	FED	RESULT (W) 1	
BLACK MUHDAMIRULIZZATAIU	FED	RESULT (B) 0	

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c6	21	Nd4	Cd7	41	Kg h2	Rf3
2	e4	c5	22	Kd5	Cxd8	42	Rc8	Qe8
3	g3	Kc6	23	Qb3	Kg h7	43	Re8	Rf8
4	Bg2	e6	24	Rfd1	Kc6	44	Rf8	
5	Kc3	Kf6	25	Kc6	Ccc	45		
6	Kg1-2	a6	26	Kb6	Qf6	46		
7	0-0	Cc7	27	Ka8	Cg2	47		
8	d3	h6	28	Kg2	f4	48		
9	Ce3	0-0	29	Qd3	Kg h8	49		
10	Qb2	Kg8	30	gf	Qxf4	50		
11	Kh3	Kee	31	Qg3	Qe4	51		
12	Qe3	f5	32	Kg1	Ch4	52		
13	d5	Kb4	33	Qd3	Cf2	53		
14	Rc1	d5	34	Kg h2	Qf4	54		
15	cd	ed	35	Kg h1	Qg5	55		
16	d4	cd	36	Kg2	Qh5	56		
17	Qd4	cd6	37	Ke6	Rf3	57		
18	a3	Kc6	38	Qd8	Kg h7	58		
19	Qd3	Ke5	39	Kf8	Rf8	59		
20	Qe3	Qd6	40	Qd3	Kg h8	60		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

5:38

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 19/7/2026 | Board 20

WHITE	FED	RESULT (W)
Nguyen xuan thao Han	AUS	0
BLACK	**FED**	**RESULT (B)**
Gong, Ziyixuan	CHN	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Re8	axe8	41	Ke2	Kd5
2	Nf3 89	Nc6 91	22	Qd2	a6	42	f3	h5
3	Nc3 87	Nf6	23	Re1	Qd7	43	g3	g5
4	Bb5 86	f69	24	c4	Nf6	44	Rd3	e4
5	0-0 85	Bxc3	25	Qf4	Rd8	45	Rxd4	Kxd4
6	bxc3 84	d6	26	c5 26	Nd5	46	fxe4	Kxe4
7	d3 83	h6 90	27	Qg3	Nb4	47	Kf2	Kd4
8	Be3 79	0-0	28	Rd1	Qe6	48	h4	g4
9	Qd2 76	Ng4 89	29	Qc7	Qd7	49	Ke2	Kc4
10	h3 74	Nxe3 90	30	Qf4	Nd5	50	Ke2	Kxb4
11	Qxe3	Be6	31	Qg8	Nc3	51	Kf4	a5
12	Rfd1 69	Nc7 88	32	Nxd2 Rd2	Ne4	52	Kg5	a4
13	d4 65	c6	33	Nc5	Qc6	53	Kxh5	a3
14	Ba4	exd4	34	Qh4	f6	54	Kxg4	a2
15	cxd4	d5 87	35	Qxe4	fxe5	55	h5	a1=Q
16	Bb3 59	Re8	36	Rd3	Qd5	56	Kh4	Qh8
17	Re1 54	dxe4 82	37	Qxd5	Rxd5	57	Kg5	Kxc5
18	Qxe4 53	Rd5 81	38	b4	Rxd4	58	h6	Kd6
19	Qf4 52	Bxb3	39	Rb3	Kf7	59	Kg6	Kf7
20	axb3	Nd5	40	Kf1	Ke6	60	g4	Qg8

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Jena	Gong, ziyixuan	

5:38

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round ~~30~~ 5 | Date 7.19 | Board ~~5~~ 20

WHITE	FED	RESULT (W)
Nguyenxuan TheoHan	AUS	0
BLACK	**FED**	**RESULT (B)**
Gong, ziyixuan	CHN	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Re8	ae8	41	Ke2	Kd5
2	Nf3	Nc6	22	Qd2	a6	42	f3	h5
3	Nc3	Nf6	23	Re1	Qd7	43	g3	g5
4	Bb5	Bb4	24	c4	Nf6	44	Rd3	e4
5	0-0	Bxc3	25	Qf4	Rd8	45	Rd4	Kd4
6	bxc3	d6	26	c5	Nd5	46	Kd4	fxe4
7	d3	h6	27	Qg3	Nb4	47	Kc4	Kd4
8	Be3	0-0	28	Rd1	Qe6	48	h4	g6
9	Qd2	Ng4	29	Qc7	Qd7	49	Ke2	Kc4
10	h3	Ne3	30	Qf4	Nd5	50	Ke3	Kb4
11	Be3	Be6	31	Qg3	Nc3	51	Kf4	a4
12	Rfd1	Nc7	32	Rd2	Ne4	52	Kg5	a4
13	d4	c6	33	Ne5	Qe6	53	Kh5	a3
14	Ba4	exd4	34	Qh4	f6	54	Kg4	a2
15	cxd4	d5	35	Qe4	fxe5	55	h5	a1=Q
16	Bb3	Re8	36	Rd3	Qd5	56	Kh4	Qh8
17	Re1	dxe4	37	Qxd5	Rxd5	57	Kg5	Kc5
18	Qe4	Bd5	38	b4	Rd4	58	a6	Kd6
19	Qf4	Bb3	39	Rb3	Kf7	59	Kg6	Ke7
20	axb3	Nd5	40	Kf1	Ke6	60	g4	Qg8

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Jena	Gong ziyixuan	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

6:04

Group G8 | Round 5 | Date | Board 21

WHITE: Guo Hezi — FED CHN — RESULT (W) 1

BLACK: Zhang Zhixian — FED CHN — RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qxd4	Bb6	41	Kh1	Rc5
2	c4	e6	22	Bc7	Rd5	42	Nf5	Rf5
3	Nc3	Nf6	23	Qf3	Qe7	43	Qf5	Nf1
4	cd	ed	24	Nc6	Qc7	44	Rf1	Qe2
5	Bg5	Nbd7	25	Bd6	Qf4	45	Rg1	Nd1
6	Nf3	h6	26	Qd8	Nc2	46	h3	Nc3
7	Bh4	Bb6	27	Nd2	Qf5	47	Qc8	Ne2
8	Nf4	Bb7	28	Nxe2	Rh5	48	f5	Rg5
9	Nc3	Be7	29	g6	Bg6	49	Kf6	Qh6
10	e3	0-0	30	Rg6	Nd4	50	Ke7	Qh6
11	Be2	Re8	31	Qa8	Qh3	51	Qh4	Kd5
12	0-0	c5	32	W	Nd2	52	Rd1	Kc2
13	Bg3	Rc8	33	Nf3	Rec6	53	Qc4	Kb3
14	Nb5	a6	34	Nd1	Rf6	54	Rd5	Kb2
15	Nd6	Bd6	35	Nf5	Qe4	55	Qc8	Ka7
16	Bd6	Ne4	36	Nd2	Qe5	56	Rd7#	
17	Bf4	cd	37	Nxf5	Rf5	57		
18	Nd4	Nc5	38	Nf3	Rf93	58		
19	Nf5	Qb6	39	Qc8	Kf7	59		
20	Bg4	Rd8	40	f4	Qe3	60		

1:23 1:0 1:57 0:5

SIGNATURE (WHITE) Guo Hezi — SIGNATURE (BLACK) — SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

6:04

Group G8 | Round 5 | Date 2026.7.14 | Board 21

WHITE: Guo Hezi — FED CHN — RESULT (W) 1

BLACK: Zhang Zhixian — FED CHN — RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nd4	Bc6	41	Kh1	Rc5
2	c4	e6	22	Bc7	Rd5	42	Nf5	Rf5
3	Nc3	Nf6	23	Qf3	Qe7	43	Qf5	Nf1
4	cd	ed	24	Nc6	Qc7	44	Rf1	Qe2
5	Bg5	Nbd7	25	Nb4	Rd8	45	Rg1	Nd1
6	Nf3	h6	26	Qf4	Qd8	46	h3	Nc3
7	Bh4	b6	27	Nc2	Nd3	47	Qc8	Ne2
8	Nd5	Bb7	28	Qf5	Nb2	48	f5	Rg5
9	Nf3	Be7	29	Bf5	c6	49	f6	Kf6
10	e3	0-0	30	Bg6	Rg6	50	Qh6	Ke7
11	Be2	Re8	31	Nd4	Qa8	51	Qh6	Qe3
12	0-0	c5	32	Qh3	Nd2	52	Qh4	Kd8
13	Bg3	Rc8	33	Nf5	Re6	53	Rd1	Kc7
14	Nb5	a6	34	Nd4	Rf6	54	Qc4	Kb8
15	Nd6	Bd6	35	Nf5	Qe4	55	Rd8	Kb7
16	Bd6	Ne4	36	Nd2	Qe5	56	Qc8	Kc7
17	Bf4	cd	37	Nxf5	Rf5	57	Qc7#	
18	Nd4	Nc5	38	Nf3	Rf93	58		
19	Nf5	Qb6	39	Qc8				
20	Bg4	Rd8						

a7

SIGNATURE (WHITE)

5:01

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group	Round	Date	Board
G8	5	26.02.19	22

WHITE	FED	RESULT (W)
Kasemsup, teerata	Thai	0
BLACK	**FED**	**RESULT (B)**
Sethumsa, E.M Thinuli	Sri	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bd3	Rd2	41		
2	c4	c6	22	Bb5	Qxb2	42		
3	cxd5	cxd5	23	Qe1	Qxa2	43		
4	Nc3	Nf6	24	Qc1	Qc2	44		
5	Nf3	e6	25	Qa1	Rc8	45		
6	Bf4	~~Bf4~~ Bd6	26	Qxa7	Rd1	46		
7	Bxd6	Qxd6	27	Qxb7	Rxf1+	47		
8	e3	0-0	28	Kxf1		48		
9	Bd3	Nc6	29			49		
10	0-0	e5	30			50		
11	dxe5	Nxe5	31			51		
12	Nxe5	Qxe5	32			52		
13	Rac1	Bg4	33			53		
14	Qd2	Rad8	34			54		
15	Ne2	Ne4	35			55		
16	Qc2	Rc8	36			56		
17	Qb1	Nd2	37			57		
18	Qa1	Nxf1	38			58		
19	Rxf1	Bxe2	39			59		
20	Bxe2	Rc2	40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Teerata		

5:01

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group	Round	Date	Board
G8	5	19/7/2020	~~23~~ 22

WHITE	FED	RESULT (W)
Teerata Kasemsup		0
BLACK	**FED**	**RESULT (B)**
Sethumsa E M Thinuli		1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bb5	Qxb2	41		
2	c4	c6	22	Qe1	Qxa2	42		
3	cxd5	cxd5	23	Qf1	Qc2	43		
4	Nc3	Nf6	24	Qa1	Rc8	44		
5	Nf3	e6	25	Qxa7	Rd1	45		
6	Bf4	Bd6	26	Qxb7	Rxf1+	46		
7	Bxd6	Qxd6	27	Kxf1		47		
8	e3	0-0	28			48		
9	Bd3	Nc6	29			49		
10	0-0	e5	30			50		
11	dxe5	Nxe5	31			51		
12	Nxe5	Qxe5	32			52		
13	Rc1	Bg4	33			53		
14	Qd2	Rad8	34			54		
15	Ne2	Qc3	35			55		
16	Qb1	Nd2	36			56		
17	Qa1	Nxf1	37			57		
18	Rxf1	Bxe2	38			58		
19	Bxe2	Rc2	39			59		
20	Bd3	Rd2	40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Teerata		

15:46

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8
Round 25
Date
Board 23

WHITE	Xu,Lezhi	FED	CHN	RESULT (W)	1
BLACK	Alisha	FED	BAN	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Re1	Qd6	41		
2	Nf3	Nc6	22	Bxf6	弃	42		
3	Bc4	h6	23			43		
4	c3	Nf6	24			44		
5	d4	exd4	25			45		
6	e5	Nh5	26			46		
7	cxd4	g6	27			47		
8	Nc3	Be7	28			48		
9	Be3	d6	29			49		
10	exd6	Qxd6	30			50		
11	Ne4+	Qb4+	31			51		
12	Nd2	Nf6	32			52		
13	b3	Ne4	33			53		
14	0-0	Nxd2	34			54		
15	Bxd2	Qd6	35			55		
16	Bc3	Bg4	36			56		
17	d5	Nb8	37			57		
18	Bxh8	f6	38			58		
19	Bg7	Bxf3	39			59		
20	Qxf3	Qe5	40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Xu Lezhi	Alisha	Sk

Alisha

15:46

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8
Round 25
Date
Board 23

WHITE	XU LEhi	FED		RESULT (W)	1
BLACK	AlishaZ	FED		RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Re1	Qd6	41		
2	Nf3	Nc6	22	Bxf6		42		
3	Bc4	h6	23			43		
4	c3	Nf6	24			44		
5	d4	xd4	25			45		
6	e5	Nh5	26			46		
7	xd4	g6	27			47		
8	Nc3	Be7	28			48		
9	Be3	b6	29			49		
10	xb6	Qxd6	30			50		
11	Ne4	Qb4	31			51		
12	Nd2	Nf6	32			52		
13	d3	Ne4	33			53		
14	0-0	Nxd2	34			54		
15	Bxd2	Qb6	35			55		
16	Bc3	Bg4	36			56		
17	d5	Nb8	37			57		
18	Bxh8	f6	38			58		
19	Bg7	Bxf3	39			59		
20	Qxf3	Qe5	40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Xu,lezhi	Alisha	Sk

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G08 | Round 05 | Date 09/2026 | Board 24

WHITE	Ng, yahNing	FED SGP	RESULT (W) 0
BLACK	Akshara . S	FED SRI	RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	~~Re3~~		41	Ke1	Kxd3
2	Nc3	a6	22	Re2	Nxd5	42	Kc2	h6
3	a4	d6	23	Nxd5	Rxd5	43	Kg2	Ke.
4	~~Nf6~~	~~Nf6~~	24	Be1	Bxe1	44	h3	Kg1
5	~~e6~~	f	25	Raxe1	f6	45	~~f4~~	Kf2
6	f4	Nc6	26	Re1+	Rxe1	46	Kf2	h2
7	Nf3	Nf6	27	Rxe1+	Kf7	47	Kg	h1=Q+
8	Bc4	~~e6~~ e6	28	Re3	Ne5	48	Kxg1	f2
9	d3	Be7	29	c4	Nxf3+	49	Kf6	f1=Q+
10	0-0	0-0	30	Rxf3	Re5	50	Kd5	Qh6
11	~~Bd2~~		31	g5	Ke6	51	b4	Qc5+
12	Bd2	Qc7	32	Kf2	Bg4	52	Kd5	Qd6#
13	Qe1	Rd8	33	Bg3	f5	53		
14	d5	exd5	34	Re3	Rxe3	54		
15	Bb3	Rb8	35	Kxe3	Kd4	55		
16	f5	Qxg3	36	g3	g5	56		
17	~~hxg3~~	~~Bxf5~~	37	~~b3~~	~~f4~~	57		
18	hxg3	Bxf5	38	b3	f4+	58		
19	Re1	Bd6	39	bxf4	gxf4	59		
20	Bxd5	Bxg3	40	Kf2	Kd4	60		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G08 | Round 5 | Date 19 Jul | Board 24

WHITE	Ng, Yah Ning	FED SGP	RESULT (W) 0
BLACK	Shanojan Akshara	FED SRI	RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Raxe1	f6	41	Kf2	h2
2	Nc3	a6	22	Re8+	Rxe8	42	Kg3	h1=Q
3	a4	d6	23	Rxe8+	Kf7	43	Kxg4	f2
4	f4	Nc6	24	Re3	Ne5	44	Kf4	f1=Q+
5	Nf3	Nf6	25	c4?	Nxf3	45	Ke5	Qf6
6	Bc4	e6	26	Rxf3	Re5	46	b4	Qf4
7	d3	Be7	27	d5	Ke6	47	~~Kd5~~	~~Qd6#~~
8	0-0	0-0	28	Kf2	Bg4	48		
9	Bd2	Qc7	29	Rg3	f5	49		
10	Qe1	Rb8	30	Re3	Rxe3	50		
11	Qg3	d5	31	Kxe3	Ke5	51		
12	exd5	exd5	32	g3	g5	52		
13	Bb3	Rb8	33	b3?	f4!	53		
14	f5	Qxg3	34	gxf3	gxf4	54		
15	hxg3	Bxf5	35	Kf2	Kd4	55		
16	Rfe1	Bd6	36	Ke1	Kxd3	56		
17	Bxd5	Bxg3	37	Kf2	h5	57		
18	Re2	Nxd5	38	Kg2	h4	58		
19	Nxd5	Rxd5	39	Kf2	h3	59		
20	Be1	Bxe1	40	Kg1	f3	60		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

K:58

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 19 JUL | Board 25

WHITE	Wong	FED	hkg	RESULT (W)	1
BLACK	Alesha	FED	Ina	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	e6	21	Qd3	R95	41	Ke4	h5
2	Nf3	d6	22	Ne1	Qh4	42	R91+	Kf8
3	c3	Nd7	23	Nf3	Bxf3	43	Kf5	Ke7
4	Bd3	b6	24	Qxf3	Rf8	44	Rh1	h4
5	0-0	Bb7	25	Qe3	Nf4	45	Bd5	Nd3
6	Nbd2	Ne7	26	Bf3	Qh3	46	Rd1	Nf2
7	b3	g6	27	g3	Rxg3+	47	Re1+	Kd6
8	Bb2	Bg7	28	fxg3	Qxg3+	48	Re6+	Kc5
9	c4	0-0	29	Kh1	Rf5	49	Rc6+	Kd4
10	Qc2	h6	30	Qf2	Qh3+	50	Rxc6	h3
11	Rac1	g5	31	Qh2	Qxh2+	51	Rh6	Kc5
12	h3	f5	32	Kxh2	dxe5	52	Be5	Kb4
13	e4	g4	33	dxe5	Nd3	53	Kf4	Kc3
14	hxg4	fxg4	34	Rb1	Nxb2	54	Bxh3	Kxa2
15	Nh2	Ng6	35	Kh3	Bxe5	55	Bg4	Kxb3
16	Nxg4	Qh4	36	Bg4	Rxf1	56	Rh7	a5
17	Be2	Nf6	37	Rxf1	Kg7	57	Rxc7	a4
18	Nxf6+	Rxf6	38	Bxf6	Bf6	58	Be6	Nd3+
19	e5	Rf5	39	Kg4	Nd3	59	Kc3	Nc5
20	Nf3	Qg4	40	Kf3	Ne5+	60	Rc6	a3

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
	a	

K:58

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 7/19/2026 | Board 25

WHITE	Wong, Catalina adelaide	FED	HKG	RESULT (W)	1
BLACK	Alesha Mahawira Azzahra	FED	INA	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	e6	21	Qh3	Rg5	41	Ke4	h5
2	Nf3	d6	22	Ne1	Qh4	42	Rg1+	Kf8
3	e3	Nd7	23	Nf3	Bxf3	43	Kf5	Ke7
4	Bd3	b6	24	Qxf3	Rf8	44	Rh1	h4
5	0-0	Bb7	25	Qe3	Nf4	45	Bd5	Nd3
6	Nbd2	Ne7	26	Bf3	Qh3	46	Rd1	Nf2
7	b3	g6	27	g3	Rxg3	47	Re1+	Kd6
8	Bb2	Bg7	28	fxg3	Qxg3	48	Re6+	Kc5
9	c4	0-0	29	Kh1	Rf5	49	Rc6+	Kd4
10	Qc2	h6	30	Qf2	Qh3+	50	Rxh6	h3
11	Rac1	g5	31	Qh2	Qxh2	51	Rh6	Kc5
12	h3	f5	32	Kxh2	dxe5	52	Be1	Kb4
13	e4	g4	33	dxe5	Nd3	53	Kf4	Kc3
14	hxg4	fxg4	34	Rb1	Nxb2	54	Bxh3	Kxa2
15	Nh2	Ng6	35	Kh3	Bxe5	55	Bg4	Kxb3
16	Ng4	Qh4	36	Bg4	Rxf1	56	Rh7	a5
17	Be2	Nf4	37	Rxf1	Kg7	57	Rxc7	a4
18	Nxf6+	Rxf6	38	Bxf6	Bf6	58	Be6	Nd3+
19	e5	Rf5	39	Kg4	Nd3	59	Ke3	Nc5
20	Nf3	Qg4	40	Kf3	Ne5+	60	Rc6	a3

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
	a	

16:50

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 19.7.11 | Board 26

WHITE	Zha Yunxi	FED CHN China	RESULT (W) 1
BLACK	Lee Xinen Zoe	FED SGP Singapore	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Bf7	Bd4	41	Kf5	Rd7
2	Nf3	d5	22	Bg8	Bb2	42	Kc7	Rd8
3	Nc3	de	23	Bh7	Nd7	43	Bd5	Rd5
4	Nd4	Nf6	24	h4	Ng4	44	Kd5	Bd6
5	Nc6	exf6	25	Re5	Be5	45	Bd6	a4
6	Bf4	Be7	26	[illegible]	[illegible]	46	f5=Q	Ka7
7	h3	0-0	27	[illegible]	[illegible]	47	Qxf8	Kxa6
8	[illegible]	Bc3	28	Kc7	Kd4	48	Qb6	
9	Bf3	Bd6	29	[illegible]	Kc4	49		
10	[illegible]	[illegible]	30	[illegible]	Bc8	50		
11	Qe2	Qe2	31	[illegible]	Kb6	51		
12	Ke2	Bb6	32	Rb1	Ka6	52		
13	Bh4	[illegible]	33	f6	c5	53		
14	f4	c5	34	Re8	Rc8	54		
15	f5	a5	35	Be4	Re8	55		
16	Kf3	b5	36	f7	Re7	56		
17	Bd3	[illegible]	37	Bd5	Rd7	57		
18	[illegible]	[illegible]	38	[illegible]	Ka7	58		
19	[illegible]	Bb6	39	Bd5	Ka8	59		
20	Re4	Kd8	40	Ke4	Rd7	60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Zha Yunxi	Z	SZ

16:50

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 7.19 | Board 26

WHITE	Zha Yunxi	FED CHN	RESULT (W) 1
BLACK	Lee, Xinen Zoe	FED SGP	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Bf7	Bd4	41	Kf5	Rd7
2	Nf3	d5	22	Bg8	Bb2	42	Kc6	Rd8
3	Nc3	de	23	Bh7	Nd7	43	Bd5	Rd5
4	Nd4	Nf6	24	h4	Ng4	44	Kd5	Bd6
5	Nxc6	Qd	25	Re5	Be5	45	Bd6	a4
6	d4	Bg4	26	h5	f5	46	f1=Qe	Ka7
7	h3	Bh5	27	Bg5	[illegible]	47	Qb8	Kxa6
8	Bc4	Bf3	28	Rd1	Kc7	48	Qb6	
9	gf	Bd6	29	Kc4	Bg7	49		
10	Rg1	Qd7	30	Bg6	Bh8	50		
11	Qd2	Qd2	31	Bf4	Kb6	51		
12	Kd2	g6	32	Rb1	Ka6	52		
13	Bh6	Rg8	33	f6	c5	53		
14	f4	a5	34	Kf3	Rc8	54		
15	f5	g5	35	Be4	Re8	55		
16	Kf3	b5	36	f7	Re7	56		
17	Bd3	Bc7	37	Bd5	Rd7	57		
18	c4	bc	38	Bc4+	Ka7	58		
19	Bc4	Bb6	39	Bd5+	Ka8	59		
20	Re1+	Kd8	40	Ke4	Re7	60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Zha Yunxi	Z	SZ

16:02

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group CP | Round 5 | Date | Board 27

WHITE Balakramzoda, Oisha | FED TJK | RESULT (W) 0

BLACK Lin, Yong-Qian | FED TPE | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	c4	Kd4	41		
2	Nf3	Nc6	22	Ce3	Ke2	42		
3	Bc4	d6	23	Kfh1	Qh3	43		
4	0-0	Be7	24			44		
5	d3	Nf6	25			45		
6	Nc3	0-0	26			46		
7	Qd2	Bg4	27			47		
8	Qg5	Re8	28			48		
9	Qh4	h6	29			49		
10	h3	Bxf3	30			50		
11	gxf3	Nd7	31			51		
12	Qg3	Bh4	32			52		
13	Qg2	g5	33			53		
14	Qg4	Nf6	34			54		
15	Qf5	Nd4	35			55		
16	Qg6	Kh8	36			56		
17	Qxh6	Nh7	37			57		
18	Bxf7	Rf8	38			58		
19	Bg6	Qd7	39			59		
20	Nb5	Nxg6 1:0	40			60		

SIGNATURE (WHITE) [signature] | SIGNATURE (BLACK) Lin, Yong-Qian | SIGNATURE (ARBITER) Sn

16:02

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date | Board 27

WHITE Saidakramzoda, Oisha | FED TJK | RESULT (W) 0

BLACK Lin, Yong-Qian | FED TPE | RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	c4	Nd4	41		
2	Nf3	Nc6	22	Be3	Ne2	42		
3	Bc4	d6	23	Kh1	Qh3	43		
4	0-0	Be7	24			44		
5	d3	Nf6	25			45		
6	Nc3	0-0	26			46		
7	Qd2	Bg4	27			47		
8	Qg5	Re8	28			48		
9	Qh4	h6	29			49		
10	h3	Bxf3	30			50		
11	gxf3	Nd7	31			51		
12	Qg3	Bh4	32			52		
13	Qg2	g5	33			53		
14	Qg4	Nf6	34			54		
15	Qf5	Nd4	35			55		
16	Qg6	Kh8	36			56		
17	Qxh6	Nh7	37			57		
18	Bxf7	Rf8	38			58		
19	Bg6	Qd7	39			59		
20	Nb5	Nxg6 1:0	40			60		

SIGNATURE (WHITE) [signature] | SIGNATURE (BLACK) Lin, Yong-Qian | SIGNATURE (ARBITER) Sn

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 5 | Date 19.7.26 | Board 28

WHITE	Liu Song mei	FED	RESULT (W) 1
BLACK	Yathaw htet Ko	FED	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bxe5	Bf5	41		
2	Nf3	Nc6	22	Rf5	Bg6	42		
3	d4	Bd6	23	Qc1	Nd5	43		
4	Bc4	Bb4+	24	Qd1	c6	44		
5	Nc3	Nf6	25	Rg3	h6	45		
6	Re1	Bg4	26	Nf3	Re6	46		
7	0-0	Bc4	27	Nxa4	Bxd4	47		
8	a3	Ba5	28	Qxd4	Qd7	48		
9	b4	Bb6	29	Re2	Rae8	49		
10	Be3	exd4	30	Bxg7	Qd6	50		
11	Bf4	dxc3	31	Bh8	Rf6	51		
12	Qc3	0-0	32	Rxe8+	Kh7	52		
13	axc3	d5	33	h4	Rf4	53		
14	Rc1	d4	34	Qg7#		54		
15	Qd3	d5	35			55		
16	Rd3	a4	36			56		
17	Qb2	Re8	37			57		
18	Ng5	Re7	38			58		
19	h3	Bd7	39			59		
20	e5	Nxe5	40			60		

SIGNATURE (WHITE): Liu song mei

SIGNATURE (BLACK): Yathaw

SIGNATURE (ARBITER):

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8 | Round 4 | Date 7.19 | Board 28

WHITE	Liusong mei	FED	RESULT (W) 1
BLACK	Yathaw Htet Ko	FED	RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bxe5	Bf5	41		
2	Nf3	Nc6	22	Rf3	Bg6	42		
3	d4	Bd6	23	Qc1	Nd5	43		
4	Bc4	Bb4+	24	Qd1	c6	44		
5	Nc3	Nf6	25	Rg3	h6	45		
6	0-0	d6	26	Nf3	Re6	46		
7	Re1	Bg4	27	Nxd4	Bxd4	47		
8	a3	Ba5	28	Qxd4	Qd7	48		
9	b4	Bb6	29	Re2	Rae8	49		
10	Be3	ed	30	Bxg7	Qd6	50		
11	Bf4	dc	31	Bh8	Rf6	51		
12	Qd3	0-0	32	Rxe8+	Kh7	52		
13	Qxc3	d5	33	h4	Rf4	53		
14	Rad1	d4	34	Qg7#		54		
15	Qb3	a5	35			55		
16	Rd3	a4	36			56		
17	Qb2	Re8	37			57		
18	Ng5	Re7	38			58		
19	h3	Bd7	39			59		
20	e5	Nxe5	40			60		

SIGNATURE (WHITE): Liu song mei

SIGNATURE (BLACK): Yathaw

SIGNATURE (ARBITER):